TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18-8 -2022
V/v tranh chấp hôn nhân,gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân

Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị M Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số; 53/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số; 64/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1992 Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã Q M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988 Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N1 N, xã N S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Toà án cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Y và anh M kết hôn với nhau ngày 28/3/2019 trước khi kết hôn có tìm hiểu thời gian ngăn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Quang làm dâu ngay và ở chung với gia đình 3 ngày sau đó vợ chồng ra thành phố Hà Nội làm ăn và sống riêng. Tình cảm vợ chồng ngay từ đầu đã không bình thường hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2019 vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau cho nên thường xuyên cãi nhau và sống ly thân. Gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần cho nên vợ chồng lại đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được đến tháng 02 năm 2020 vợ chồng lại

mâu thuẫn và sống ly thân, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa lời khai tại tòa án anh xác định vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc chị Y không có khả năng sinh con. Từ khi chị Y đi khám bệnh biết không có khả năng sinh con nên dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay từ khi sống ly thân anh đã gọi chị nhiều lần nhưng chị không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh không đồng ý mà đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51; 56; 57; Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Yên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Yên được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Chị Y và anh M kết hôn với nhau có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Y có đơn xin ly hôn anh M như vậy được xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa anh M ở xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên là phù hợp với điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét anh M vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh M theo quy định của pháp luật nhưng anh M vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Y thấy rằng qua các chứng cứ do các bên xuất trình, bản tự khai, lời trình bầy tại phiên tòa cũng như lời trình bầy tại

tòa án được biết vợ chồng chị Y và anh M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng tình cảm nợ chồng không duy trì và phát triển được nên đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ tính tình không hợp nhau hơn nữa chị Y lại chậm sinh con cho nên vợ chồng hay cãi nhau chị và anh đã sống ly thân anh cũng xác định vợ chồng sống ly thân nhiều lần, gia đình đã hòa giải và anh cũng đã gọi chị về để đoàn tụ nhiều lần nhưng chị Y vẫn không về để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay không bên nào quan tâm đến bên nào. Tại phiên tòa chị Y vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết đề nghị được ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh M đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Y được ly hôn anh M là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung cả hai bên đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 về án phí lệ phí Tòa án chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Y, anh M được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự cũng như đề nghị áp dụng các điều luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu của chị Chị Phạm Thị Y

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn M

Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng áp phí số; 0006290 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Ninh Sơn
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh